

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 435/QĐ-UBND

Bắc Ninh, ngày 25 tháng 3 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Điều lệ tổ chức và hoạt động của
Công ty TNHH một thành viên Khai thác công trình thủy lợi Bắc Đổng

CÔNG TY TNHH BẮC ĐỒNG
CÔNG VĂN ĐẾN
SỐ 435/NGÀY 28/3/2019
CHUYỂN ĐẾN

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH

Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

P.T.H.C. LƯU. /
10/3

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;

Căn cứ Luật số 69/2014/QH13 ngày 26/11/2014 về Quản lý, sử dụng vốn Nhà nước đầu tư vào sản xuất kinh doanh tại doanh nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ về đầu tư vốn Nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 97/2015/NĐ-CP ngày 19/10/2015 của Chính phủ về quản lý người giữ chức danh, chức vụ tại doanh nghiệp là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên mà Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ;

Căn cứ Nghị định số 10/2019/NĐ-CP ngày 30/01/2019 của Chính phủ về thực hiện quyền, trách nhiệm của đại diện chủ sở hữu nhà nước;

Xét đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Khai thác công trình thủy lợi Bắc Đổng gồm 9 Chương, 40 Điều.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 422/QĐ-UBND ngày 29/9/2014 của UBND tỉnh Bắc Ninh về việc phê duyệt Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Khai thác công trình thủy lợi Bắc Đổng.

Điều 3. Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh; các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Nội vụ, Lao động - Thương binh và Xã hội; Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Khai thác công trình thủy lợi Bắc Đổng và các cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thi hành. / *Thư*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTTH, PVP.KTTH, CVP.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Hữu Thành

Bắc Ninh, ngày 25 tháng 3 năm 2019

ĐIỀU LỆ
TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN
MỘT THÀNH VIÊN KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI BẮC ĐUỐNG
(Ban hành kèm theo Quyết định số 1335 /QĐ-UBND
Ngày 25/3/2019 của UBND tỉnh Bắc Ninh)

CHƯƠNG I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Lời mở đầu và giải thích từ ngữ

1. Điều lệ này quy định về tổ chức và hoạt động của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Khai thác công trình thủy lợi Bắc Đuống (sau đây gọi tắt là Công ty) do Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Ninh làm cơ quan đại diện chủ sở hữu nhà nước.

2. Trong phạm vi Điều lệ này, những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- a) “Cơ quan đại diện chủ sở hữu” là Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Ninh;
- b) “Đơn vị trực thuộc” là các Xí nghiệp nằm trong cơ cấu Công ty;
- c) “Nghị định 10/2019/NĐ-CP” là Nghị định số 10/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ về thực hiện các quyền, trách nhiệm của đại diện chủ sở hữu nhà nước;
- d) “Nghị định 91/2015/NĐ-CP” là Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về đầu tư vốn Nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp;
- đ) “Luật Doanh nghiệp” là Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014;
- e) “Nghị định 97/2015/NĐ-CP” là Nghị định số 97/2015/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ quy định về quản lý người giữ chức danh, chức vụ tại doanh nghiệp là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên mà Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ;

g) Các từ, thuật ngữ khác cần được viết tắt, giải thích trong Điều lệ.

3. Các từ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp, pháp luật về công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu và các văn bản khác có liên quan sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này.

4. Các tham chiếu của Điều lệ này tới quy định của văn bản khác sẽ bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế các văn bản đó.

Điều 2. Tên Công ty, địa chỉ trụ sở chính

1. Tên Công ty.

- a. Tên đầy đủ: Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Khai thác công trình thủy lợi Bắc Đuống.
- b. Tên viết tắt: Công ty TNHH MTV KTCTTL Bắc Đuống
- c. Tên công ty bằng tiếng nước ngoài: Bac Duong Irrigation System Exploitation State - Owned Limited Company.
- d. Biểu tượng của công ty (logo):



2. Địa chỉ trụ sở chính: Số 582, đường Trần Phú, phường Đình Bảng, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh.

- Điện thoại: 02223.831.489

Fax: 02223.831.489.

3. Tên, địa chỉ các chi nhánh

a) Xí nghiệp Khai thác công trình thủy lợi thành phố Bắc Ninh.

- Trụ sở: Phường Ninh Xá, thành phố Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh.

- Điện thoại: 02223.822.801

b) Xí nghiệp Khai thác công trình thủy lợi Quế Võ.

- Trụ sở: Thị trấn Phố Mới, huyện Quế Võ, Tỉnh Bắc Ninh.

- Điện thoại: 02223.863.146

c) Xí nghiệp Khai thác công trình thủy lợi Tiên Du.

- Trụ sở: Thị trấn Lim, huyện Tiên Du, Tỉnh Bắc Ninh.

- Điện thoại: 02223.837.397

d) Xí nghiệp Khai thác công trình thủy lợi Từ Sơn.

- Trụ sở: Phường Đông Ngàn, thị xã Từ Sơn, Tỉnh Bắc Ninh.

- Điện thoại: 02223.842.239

đ) Xí nghiệp đầu mối Trịnh Xá - Long Từ

- Trụ sở: Phường Châu Khê, thị xã Từ Sơn, Tỉnh Bắc Ninh.

- Điện thoại: 02223.831.661

e) Xí nghiệp Khai thác công trình thủy lợi Yên Phong.

- Trụ sở: Thị trấn Chờ, huyện Yên Phong, Tỉnh Bắc Ninh.

- Điện thoại: 02223.880.239

g) Xí nghiệp dịch vụ tư vấn và xây dựng.

- Trụ sở:

+) Cơ sở 1: Phường Đình Bảng, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh.

+) Cơ sở 2: Phường Ninh Xá, thành phố Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh.

- Điện thoại: 02223.841.742

Điều 3. Hình thức pháp lý và tư cách pháp nhân

1. Công ty tổ chức và hoạt động dưới hình thức công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên theo quy định của Luật Doanh nghiệp và pháp luật có liên quan.

2. Công ty có tư cách pháp nhân, con dấu riêng và được mở tài khoản bằng tiền đồng Việt Nam và ngoại tệ tại Kho bạc Nhà nước, các ngân hàng trong nước và nước ngoài theo các quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 4. Con dấu của Công ty

Số lượng, hình thức, nội dung và mẫu con dấu, việc quản lý và sử dụng con dấu theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản quy định chi tiết một số điều của Luật Doanh nghiệp; quy định của pháp luật về Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

Điều 5. Mục tiêu hoạt động, ngành, nghề kinh doanh.

1. Mục tiêu hoạt động của Công ty:

a) Tổ chức quản lý khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi do cơ quan đại diện chủ sở hữu giao để phục vụ cho sản xuất nông nghiệp, sinh hoạt, công nghiệp và dân sinh trên địa bàn tỉnh;

b) Bảo toàn, phát triển và sử dụng vốn của Nhà nước có hiệu quả trên cơ sở phát triển sản xuất kinh doanh theo ngành nghề đăng ký và theo quy định của Nhà nước, tạo việc làm ổn định và thu nhập hợp pháp cho người lao động, hoàn thành các nhiệm vụ do cơ quan đại diện chủ sở hữu giao.

2. Ngành, nghề kinh doanh, bao gồm:

a) Ngành nghề kinh doanh chính: Quản lý, vận hành hệ thống công trình thủy lợi phục vụ tưới, tiêu cho sản xuất nông nghiệp, dân sinh, công nghiệp đô thị, cấp nước thô cho nuôi trồng thủy sản, các nhà máy sản xuất nước sạch cho nông nghiệp, công nghiệp và đô thị cho nhân dân trong vùng quy hoạch được giao quản lý.

b) Ngành, nghề kinh doanh có liên quan đến ngành, nghề kinh doanh chính:

- Thi công xây dựng công trình thủy lợi, giao thông dân dụng. Nạo vét sông hồ, kênh mương, san lấp mặt bằng.

- Cải tạo nâng cấp, sửa chữa hệ thống công trình thủy lợi, đê điều, kênh mương.

- Giám sát thi công công trình thủy lợi đến cấp I.

- Dịch vụ tiêu thoát nước cho khu công nghiệp, nhà máy nằm trên địa bàn hoạt động của Công ty.

- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan.

(Chi tiết: Thiết kế công trình thủy lợi đến cấp IV; dân dụng đến 5 tầng)

c) Ngành, nghề kinh doanh khác:

- Mua bán vật liệu xây dựng. Kinh doanh xăng dầu và các sản phẩm.

- Mua bán phụ tùng ô tô, xe máy, máy bơm nước, phụ tùng thiết bị cơ điện, máy nông nghiệp.
- Dịch vụ bán hàng ăn uống, xây dựng khu vui chơi giải trí.
- Sản xuất, giới thiệu sản phẩm đồ gỗ mỹ nghệ, giao dịch, bán hàng sản phẩm đồ gỗ, mỹ nghệ (giường, tủ, bàn, ghế và sản phẩm gỗ khác),...
- Kinh doanh các sản phẩm từ nông nghiệp, trồng cây lấy gỗ.
- Trang trại chăn nuôi gia súc, gia cầm và nuôi trồng thủy sản.
- Gia công cơ khí, gò hàn khung nhôm, cửa sắt, ô hoa và các thiết bị cơ khí khác.
- Lắp đặt hệ thống điện; Lắp đặt hệ thống xây dựng khác
- Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp.
- Sản xuất bột giấy, giấy và bìa.
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác.
- Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống).
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác.
- Hoạt động viễn thông khác.
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.

- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa.

- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét.

Điều 6. Vốn điều lệ: 514.557.654.819 đồng.

(Bằng chữ: Năm trăm mười bốn tỷ, năm trăm năm mươi bảy triệu, sáu trăm năm mươi tư nghìn, tám trăm mười chín đồng).

Điều 7. Cơ quan đại diện chủ sở hữu.

Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Ninh là cơ quan đại diện chủ sở hữu của Công ty. Cơ quan đại diện chủ sở hữu phân công, phân cấp, giao nhiệm vụ cho các tổ chức, cá nhân thực hiện quyền, trách nhiệm và nghĩa vụ của Chủ sở hữu Nhà nước đối với Công ty theo quy định tại Nghị định số 10/2019/NĐ-CP.

Điều 8. Người đại diện theo ủy quyền của chủ sở hữu

1. Người đại diện theo ủy quyền của chủ sở hữu là cá nhân được ủy quyền bằng văn bản nhân danh chủ sở hữu thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

2. Việc chỉ định người đại diện theo ủy quyền phải bằng văn bản, theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

3. Người đại diện theo ủy quyền phải có các tiêu chuẩn và điều kiện, trách nhiệm, theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

Điều 9. Người đại diện theo pháp luật của Công ty.

Chủ tịch Công ty là người đại diện theo pháp luật của Công ty.

Điều 10. Quản lý nhà nước đối với Công ty.

1. Công ty chịu sự quản lý của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

2. Sở Nông Nghiệp và Phát triển nông thôn:

a) Được Ủy ban nhân dân tỉnh là chủ quản lý công trình thủy lợi và ủy quyền quản lý nhà nước về chuyên ngành đối với Công ty;

b) Thực hiện giám sát, kiểm tra thường xuyên và thanh tra theo quy định thuộc phạm vi chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước của Sở Nông Nghiệp và Phát triển nông thôn đối với Công ty; Hướng dẫn, kiểm tra, giám sát, thanh tra kết quả thực hiện nhiệm vụ sản xuất sản phẩm công ích: Tưới tiêu phục vụ sản xuất nông nghiệp và dân sinh kinh tế;

c) Tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện trách nhiệm quản lý nhà nước về thủy lợi; quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi theo Luật Thủy lợi và các văn bản hướng dẫn thi hành;

d) Phối hợp với Sở Nội vụ tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh về việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, từ chức, khen thưởng, kỷ luật Giám đốc; bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, từ chức, khen thưởng, kỷ luật Chủ tịch, Kiểm soát viên;

đ) Phối hợp với các ngành có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh về điều chỉnh vốn điều lệ trong quá trình hoạt động của Công ty;

e) Phối hợp với Sở Tài chính thực hiện giám sát, kiểm tra định kỳ và thanh tra theo quy định việc quản lý, sử dụng, bảo toàn và phát triển vốn đối với Công ty;

f) Thực hiện các quyền và trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật.

3. Sở Tài chính:

a) Chủ trì, phối hợp với các ngành có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh về điều chỉnh vốn điều lệ trong quá trình hoạt động của Công ty;

b) Chủ trì, phối hợp với các ngành có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện giám sát, kiểm tra định kỳ và thanh tra việc quản lý, sử dụng, bảo toàn và phát triển vốn đối với Công ty;

c) Thực hiện các quyền và trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật.

4. Sở Kế hoạch và Đầu tư:

a) Phối hợp với Sở Tài chính, Sở Nông Nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện giám sát, kiểm tra định kỳ và thanh tra theo quy định việc quản lý, sử dụng, bảo toàn và phát triển vốn đối với Công ty;

b) Phối hợp với các ngành có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh về điều chỉnh vốn điều lệ trong quá trình hoạt động của Công ty;

c) Thực hiện các quyền và trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật.

5. Sở Nội vụ:

a) Chủ trì, phối hợp với các ngành có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh về việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, từ chức, khen thưởng, kỷ luật

Giám đốc; bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, từ chức, khen thưởng, kỷ luật Chủ tịch, Kiểm soát viên;

b) Chủ trì, phối hợp với Sở Nông Nghiệp và Phát triển nông thôn và các ngành có liên quan thực hiện giám sát, kiểm tra việc chấp hành quy định của Đảng và Nhà nước về công tác tổ chức cán bộ tại Công ty;

c) Thực hiện các quyền và trách nhiệm khác theo quy định pháp luật.

6. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội:

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Nội vụ, Sở Tài chính, Sở Nông Nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện giám sát, kiểm tra định kỳ và thanh tra theo quy định việc thực hiện chế độ tuyển dụng, tiền lương, tiền thưởng của Công ty;

b) Thực hiện các quyền và trách nhiệm khác theo quy định pháp luật.

7. Các Sở, ban, ngành khác có liên quan theo chức năng, nhiệm vụ được giao, có trách nhiệm tham mưu giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện các quyền và trách nhiệm theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 11. Tổ chức Đảng và các tổ chức chính trị - xã hội trong Công ty.

1. Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam trong Công ty hoạt động theo Hiến pháp, pháp luật và Điều lệ của Đảng Cộng sản Việt Nam.

2. Các tổ chức chính trị - xã hội khác trong Công ty hoạt động theo Hiến pháp, pháp luật và Điều lệ của các tổ chức chính trị - xã hội phù hợp với quy định của pháp luật.

3. Công ty tạo điều kiện thuận lợi về cơ sở vật chất, thời gian, điều kiện cần thiết khác để thành viên các tổ chức Đảng, tổ chức chính trị - xã hội thực hiện việc sinh hoạt đầy đủ theo quy định của pháp luật, Điều lệ và nội quy của các tổ chức đó.

Chương II

QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÔNG TY

Điều 12. Quyền của Công ty.

Căn cứ quyền của Công ty theo quy định của Luật Doanh nghiệp; đặc thù về mục tiêu hoạt động và ngành nghề kinh doanh khai thác công trình thủy lợi; Nghị định số 10/2019/NĐ-CP pháp luật hiện hành về công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu và pháp luật có liên quan, quyền của Công ty bao gồm:

1. Quyền của Công ty đối với vốn, tài sản, đầu tư và quản lý tài chính theo quy định của Nghị định số 91/2015/NĐ-CP và các văn bản pháp luật có liên quan.

2. Quyền về kinh doanh và tổ chức kinh doanh theo quy định tại Điều 7 Luật Doanh nghiệp; phù hợp với mục tiêu hoạt động và ngành, nghề kinh doanh quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 5 Điều lệ này.

3. Quyền về quản lý lao động, tiền lương và tổ chức công tác cán bộ, nhân sự theo quy định của Nghị định số 10/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 01 năm 2019, Nghị định số 51/2016/NĐ-CP ngày 13 tháng 06 năm 2016 của Chính phủ quy định quản

lý, lao động, tiền lương và tiền thưởng đối với lao động làm việc trong công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ, Nghị định số 52/2016/NĐ-CP ngày 13 tháng 06 năm 2016 của Chính phủ quy định tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với người quản lý công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và các văn bản pháp luật có liên quan.

4. Quyền tham gia hoạt động công ích: Đối với nhiệm vụ công ích được Nhà nước giao kế hoạch, Công ty được Nhà nước tạo điều kiện được hỗ trợ về vật chất, cơ chế chính sách và các lợi ích tài chính khác khi tham gia hoạt động công ích, và kinh phí thực hiện phải đảm bảo bù đắp chi phí và lợi ích khác của Công ty. Theo quy định tại Nghị định số 130/2013/NĐ-CP ngày 16 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ về sản xuất cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích và các văn bản pháp luật có liên quan.

5. Quyền khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

Điều 13. Nghĩa vụ của Công ty.

Căn cứ nghĩa vụ của Công ty theo quy định của Luật Doanh nghiệp; đặc thù về mục tiêu hoạt động và ngành nghề kinh doanh khai thác công trình thủy lợi; Nghị định số 10/2019/NĐ-CP pháp luật hiện hành về công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu và pháp luật có liên quan, Điều lệ Công ty quy định chi tiết các nghĩa vụ của Công ty, trong đó đảm bảo những nguyên tắc sau:

1. Công ty có nghĩa vụ đối với vốn, tài sản đầu tư và quản lý tài chính theo quy định của Nghị định số 91/2015/NĐ-CP và các văn bản pháp luật có liên quan.

2. Nghĩa vụ trong kinh doanh:

a) Kinh doanh đúng ngành, nghề đã đăng ký; đảm bảo chất lượng sản phẩm và dịch vụ do Công ty thực hiện theo tiêu chuẩn đã đăng ký;

b) Đổi mới, hiện đại hóa công nghệ và phương thức quản lý để nâng cao hiệu quả và khả năng cạnh tranh;

c) Bảo đảm quyền và lợi ích của người lao động và quyền tham gia quản lý Công ty của người lao động theo quy định của pháp luật;

d) Thực hiện chế độ kế toán, kiểm toán và báo cáo tài chính, báo cáo thống kê theo quy định của pháp luật và theo yêu cầu của Chủ sở hữu công ty;

đ) Tuân theo các quy định của Nhà nước về quốc phòng, an ninh, văn hóa, trật tự, an toàn xã hội, bảo vệ tài nguyên và môi trường;

e) Thực hiện việc quản lý rủi ro và bảo hiểm cho tài sản, trách nhiệm, con người của Công ty trong kinh doanh theo quy định của pháp luật;

g) Chịu sự giám sát của Nhà nước trong thực hiện các quy định về thang, bảng lương; đơn giá tiền lương, chế độ trả lương đối với người lao động, Chủ tịch, Giám đốc, các Phó Giám đốc, Kế toán trưởng, Kiểm soát viên và các cán bộ quản lý khác;

h) Chịu sự giám sát, kiểm tra của cơ quan đại diện chủ sở hữu; chấp hành các quyết định về thanh tra của cơ quan tài chính và cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật;

i) Chịu trách nhiệm trước cơ quan đại diện chủ sở hữu về việc sử dụng vốn đầu tư để thành lập doanh nghiệp khác hoặc đầu tư vào doanh nghiệp khác;

k) Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và được nhà nước giao.

3. Nghĩa vụ khi tham gia hoạt động công ích: theo quy định của Nghị định số 130/2013/NĐ-CP ngày 16 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ về sản xuất và cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích và các văn bản pháp luật có liên quan.

Chương III

QUYỀN, TRÁCH NHIỆM CỦA ĐẠI DIỆN CHỦ SỞ HỮU NHÀ NƯỚC

Điều 14. Quyền và trách nhiệm của cơ quan đại diện chủ sở hữu về điều lệ, chiến lược, kế hoạch của Công ty.

Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Ninh là cơ quan đại diện chủ sở hữu Nhà nước đối với Công ty.

1. Cơ quan đại diện chủ sở hữu ban hành điều lệ và điều lệ sửa đổi, bổ sung của doanh nghiệp theo đề nghị của Chủ tịch công ty.

2. Cơ quan đại diện chủ sở hữu phê duyệt đề Chủ tịch công ty quyết định kế hoạch 05 năm (bao gồm chiến lược, kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch đầu tư phát triển 05 năm) và kế hoạch sản xuất, kinh doanh hằng năm của doanh nghiệp.

3. Quyết định phê duyệt các kế hoạch quy định tại khoản 2 Điều này bao gồm những nội dung chủ yếu sau:

a) Mục tiêu và nhiệm vụ kế hoạch;

b) Các chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận, nộp ngân sách và các chỉ tiêu kế hoạch khác.

c) Giải pháp thực hiện kế hoạch;

d) Phân công tổ chức thực hiện, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch.

đ) Các nội dung khác.

4. Về giám sát, kiểm tra thực hiện kế hoạch đã được phê duyệt:

a) Cơ quan đại diện chủ sở hữu thực hiện giám sát, kiểm tra việc thực hiện các kế hoạch quy định tại khoản 2 Điều này và đánh giá kết quả thực hiện.

b) Cơ quan đại diện chủ sở hữu hướng dẫn, đôn đốc doanh nghiệp xây dựng, gửi báo cáo giữa kỳ và báo cáo cuối kỳ về tình hình thực hiện các kế hoạch để phục vụ công tác giám sát, kiểm tra, bao gồm những nội dung chủ yếu sau đây:

- Tình hình thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ, chỉ tiêu kế hoạch được giao;

- Tình hình thực hiện các giải pháp đã đề ra trong kế hoạch;

- Hạn chế, nguyên nhân của việc không thực hiện hoặc thực hiện không tốt kế hoạch (nếu có);
- Các giải pháp tiếp theo để hoàn thành các mục tiêu trong kế hoạch kỳ kế tiếp.

c) Trình tự và thời hạn gửi các báo cáo thực hiện theo quy định Chính phủ về chế độ giám sát, kiểm tra việc thực hiện chiến lược, kế hoạch, mục tiêu, nhiệm vụ được giao của doanh nghiệp nhà nước.

Điều 15. Quyền và trách nhiệm của cơ quan đại diện chủ sở hữu về quản lý cán bộ của Công ty.

1. Đối với người quản lý doanh nghiệp:

a) Quyết định về quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, thôi việc, nghỉ hưu đối với Chủ tịch công ty theo quy định của pháp luật.

b) Phê duyệt đề Chủ tịch công ty quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật Giám đốc doanh nghiệp.

c) Thực hiện quyền và trách nhiệm về tiền lương, thù lao, tiền thưởng và quyền lợi khác của người quản lý doanh nghiệp theo quy định của Chính phủ về tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với người quản lý công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

2. Đối với kiểm soát viên:

a) Quyết định về quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, thôi việc, nghỉ hưu đối với Kiểm soát viên theo quy định của pháp luật.

b) Bổ nhiệm 01 Kiểm soát viên hoặc thành lập Ban Kiểm soát gồm 03 Kiểm soát viên tùy thuộc vào quy mô vốn, phạm vi địa bàn và ngành, lĩnh vực kinh doanh của doanh nghiệp.

c) Lựa chọn, quyết định bổ nhiệm cán bộ, công chức do mình quản lý làm Kiểm soát viên và có trách nhiệm bố trí công việc phù hợp cho cán bộ, công chức khi thôi làm Kiểm soát viên.

Điều 16. Thực hiện quyền và trách nhiệm về hoạt động tài chính và đầu tư của Công ty.

Cơ quan đại diện chủ sở hữu:

1. Ban hành quy chế tài chính của doanh nghiệp theo quy định của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp, trừ trường hợp thuộc thẩm quyền ban hành của Chính phủ.

2. Phê duyệt mức vốn điều lệ của doanh nghiệp (kể cả điều chỉnh vốn điều lệ trong quá trình hoạt động) trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ; thẩm định hồ sơ, phương án bổ sung vốn điều lệ của doanh nghiệp; phối hợp, thực hiện cấp bổ sung vốn điều lệ cho doanh nghiệp theo quy định phù hợp với từng nguồn vốn bổ sung điều lệ theo quy định tại Luật quản lý, sử dụng vốn nhà

nước đầu tư vào sản xuất kinh doanh tại doanh nghiệp và quy định hướng dẫn của Chính phủ.

3. Xem xét, phê duyệt theo đề nghị của Chủ tịch công ty đối với những nội dung sau đây:

a) Phương án huy động vốn đối với từng dự án có mức huy động trên mức quy định tại điểm a khoản 3 Điều 23 Luật quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp.

b) Phương án huy động vốn của tổ chức, cá nhân nước ngoài.

Đối với khoản vay nước ngoài theo phương thức doanh nghiệp tự vay, tự chịu trách nhiệm trả nợ, trừ khoản vay vốn nước ngoài dưới hình thức nhập khẩu hàng hóa trả chậm, cơ quan đại diện chủ sở hữu phê duyệt chủ trương vay nợ nước ngoài của doanh nghiệp và đề nghị Bộ Tài chính thẩm định, chấp thuận. Đối với các khoản vay có bảo lãnh của Chính phủ thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý nợ công và quy định khác của pháp luật có liên quan.

c) Dự án đầu tư, xây dựng, mua, bán tài sản cố định của doanh nghiệp có giá trị trên mức quy định tại điểm a khoản 1 Điều 24 Luật quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp.

d) Dự án đầu tư ra ngoài doanh nghiệp có giá trị trên mức quy định tại điểm a khoản 4 Điều 28 Luật quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp.

Trình tự, thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt các dự án và phương án thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.

4. Quyết định đề Chủ tịch công ty ký hợp đồng thuê, cho thuê, thế chấp, cầm cố tài sản của doanh nghiệp có giá trị lớn hơn mức phân cấp cho Chủ tịch công ty theo quy định của Luật quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp và quy định hướng dẫn của Chính phủ.

5. Phê duyệt phương án thanh lý, nhượng bán tài sản cố định có giá trị lớn hơn mức phân cấp cho Chủ tịch công ty theo quy định của Luật quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp và quy định hướng dẫn của Chính phủ.

6. Quyết định chủ trương đầu tư ra nước ngoài, trừ các trường hợp thuộc thẩm quyền của Quốc hội hoặc thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ, theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất kinh doanh tại doanh nghiệp, pháp luật về đầu tư, pháp luật về quản lý ngoại hối và pháp luật có liên quan.

7. Quyết định chủ trương góp vốn, tăng, giảm vốn góp, chuyển nhượng vốn đầu tư của doanh nghiệp đầu tư tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên.

8. Phê duyệt báo cáo tài chính, phương án phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ hằng năm của doanh nghiệp.

9. Phối hợp, thực hiện việc đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

10. Phê duyệt chủ trương để Chủ tịch công ty quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể chi nhánh, văn phòng đại diện và các đơn vị hạch toán phụ thuộc của doanh nghiệp theo quy định của pháp luật.

Điều 17. Quyền và trách nhiệm về giám sát, kiểm tra và đánh giá hoạt động của Công ty.

1. Cơ quan đại diện chủ sở hữu tổ chức thực hiện giám sát, kiểm tra việc quản lý, sử dụng, bảo toàn và phát triển vốn, thực hiện chiến lược, kế hoạch đầu tư phát triển, việc tuyển dụng lao động, thực hiện chế độ tiền lương, tiền thưởng của doanh nghiệp; có ý kiến về việc giám sát, kiểm tra, thanh tra của cơ quan, tổ chức khác có thẩm quyền đối với hoạt động đầu tư, quản lý, sử dụng vốn nhà nước tại doanh nghiệp theo quy định của Luật quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp và quy định hướng dẫn của Chính phủ.

2. Cơ quan đại diện chủ sở hữu tổ chức thực hiện đánh giá kết quả hoạt động, hiệu quả hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp, đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ trong quản lý, điều hành của người quản lý doanh nghiệp, kiểm soát viên theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất kinh doanh tại doanh nghiệp và quy định hướng dẫn của Chính phủ.

3. Thẩm quyền, trình tự, thủ tục thực hiện thanh tra hoạt động của doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ thực hiện theo quy định của pháp luật về thanh tra và quy định pháp luật có liên quan.

Chương IV

TỔ CHỨC, QUẢN LÝ CÔNG TY

Điều 18. Mô hình tổ chức, quản lý Công ty.

1. Công ty được tổ chức quản lý và hoạt động theo mô hình: Chủ tịch công ty, Giám đốc và Kiểm soát viên (hoặc Ban kiểm soát);

2. Mọi hoạt động của Công ty chịu sự quản lý của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Điều 19. Chủ tịch Công ty.

1. Chủ tịch công ty do Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Ninh bổ nhiệm. Chủ tịch công ty có nhiệm kỳ 05 năm. Chủ tịch công ty có thể được bổ nhiệm lại nhưng không quá hai nhiệm kỳ.

Chủ tịch Công ty không là cán bộ, công chức, viên chức; không được kiêm nhiệm chức danh Tổng giám đốc, Giám đốc tại tập đoàn, tổng công ty, công ty mình và các doanh nghiệp khác; không được kiêm nhiệm các chức danh quản lý, điều hành ở tổng công ty, công ty thành viên.

Tiêu chuẩn, điều kiện và các trường hợp miễn nhiệm, cách chức Chủ tịch công ty được thực hiện theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và pháp luật về Công

ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ, quy định về quản lý người giữ chức danh, chức vụ tại doanh nghiệp là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên mà Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

2. Chủ tịch công ty thực hiện các quyền, nghĩa vụ của người đại diện chủ sở hữu trực tiếp tại công ty theo quy định của Luật quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp; các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Luật doanh nghiệp; chịu trách nhiệm trước pháp luật và chủ sở hữu công ty về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty...

3. Tiền lương, thưởng và quyền lợi khác của Chủ tịch công ty do cơ quan đại diện chủ sở hữu quyết định và được tính vào chi phí quản lý công ty.

4. Chủ tịch công ty sử dụng bộ máy quản lý, điều hành, bộ phận giúp việc và con dấu của công ty để thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình. Trường hợp cần thiết, Chủ tịch công ty tổ chức việc lấy ý kiến các chuyên gia tư vấn trong và ngoài nước trước khi quyết định các vấn đề quan trọng thuộc thẩm quyền của Chủ tịch công ty. Chi phí lấy ý kiến chuyên gia tư vấn được quy định tại quy chế quản lý tài chính của công ty.

5. Các quyết định thuộc thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều này phải được lập thành văn bản, ký tên với chức danh Chủ tịch công ty.

6. Quyết định của Chủ tịch công ty có hiệu lực kể từ ngày ký hoặc từ ngày có hiệu lực ghi trong quyết định đó, trừ trường hợp phải được cơ quan đại diện chủ sở hữu chấp thuận.

7. Trường hợp Chủ tịch công ty vắng mặt ở Việt Nam trên 30 ngày thì phải ủy quyền bằng văn bản cho người khác thực hiện một số quyền, nghĩa vụ của Chủ tịch công ty; việc ủy quyền phải được thông báo kịp thời bằng văn bản đến cơ quan đại diện chủ sở hữu. Các trường hợp ủy quyền khác thực hiện theo quy định tại quy chế quản lý nội bộ của công ty.

Điều 20. Quyền và trách nhiệm của Chủ tịch Công ty.

1. Đề nghị cơ quan đại diện chủ sở hữu:

a) Quyết định tổ chức lại, chuyển đổi sở hữu, giải thể, phá sản doanh nghiệp;

b) Ban hành điều lệ, sửa đổi, bổ sung điều lệ; quyết định, điều chỉnh vốn điều lệ;

c) Phê duyệt chiến lược, kế hoạch đầu tư phát triển 05 năm và kế hoạch sản xuất, kinh doanh hằng năm của doanh nghiệp;

d) Quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật, tiền lương, thù lao, tiền thưởng và quyền lợi khác của Chủ tịch công ty;

đ) Phê duyệt việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật đối với Giám đốc doanh nghiệp;

e) Phê duyệt phương án huy động vốn, dự án đầu tư, xây dựng, mua, bán tài sản cố định, dự án đầu tư ra ngoài doanh nghiệp, dự án đầu tư ra nước ngoài của

doanh nghiệp có giá trị trên mức phân cấp cho Chủ tịch công ty theo quy định của pháp luật;

g) Cấp vốn để thực hiện việc đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt; quyết định việc chuyển nhượng vốn đầu tư của doanh nghiệp tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên trong trường hợp giá trị chuyển nhượng thấp hơn giá trị ghi trên sổ sách kế toán của doanh nghiệp sau khi đã bù trừ dự phòng tổn thất vốn đầu tư;

h) Quyết định chủ trương góp vốn, tăng, giảm vốn góp, chuyển nhượng vốn đầu tư của doanh nghiệp tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên; quyết định chủ trương tiếp nhận công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên thành công ty con, công ty liên kết của doanh nghiệp;

i) Phê duyệt báo cáo tài chính, phương án phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ hằng năm của doanh nghiệp.

2. Chủ tịch công ty quyết định sau khi cơ quan đại diện chủ sở hữu phê duyệt về các nội dung sau đây:

a) Chiến lược, kế hoạch đầu tư phát triển 05 năm và kế hoạch sản xuất, kinh doanh hằng năm của doanh nghiệp;

b) Bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật đối với Giám đốc;

c) Huy động vốn, đầu tư, xây dựng, mua, bán tài sản cố định, dự án đầu tư ra ngoài doanh nghiệp, dự án đầu tư ra nước ngoài của doanh nghiệp theo quy định tại Luật quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp;

d) Góp vốn, tăng, giảm vốn góp, chuyển nhượng vốn đầu tư của doanh nghiệp đầu tư tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên;

đ) Tiếp nhận công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên thành công ty con, công ty liên kết của doanh nghiệp;

e) Báo cáo tài chính; phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ hằng năm của doanh nghiệp.

3. Chủ tịch công ty quyết định về các nội dung sau đây:

a) Quy chế quản lý nội bộ của doanh nghiệp;

b) Tiền lương, thù lao, tiền thưởng và quyền lợi khác đối với Giám đốc, các chức danh khác do Chủ tịch công ty bổ nhiệm;

c) Bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật, tiền lương, thù lao, tiền thưởng và các quyền lợi khác đối với Phó Giám đốc, Kế toán trưởng;

d) Quyết định hoặc ủy quyền cho Giám đốc quyết định phương án huy động vốn, dự án đầu tư, xây dựng, mua, bán tài sản cố định thuộc thẩm quyền.

4. Chủ tịch công ty quản lý, điều hành doanh nghiệp tuân thủ quy định của pháp luật và quyết định của cơ quan đại diện chủ sở hữu.

5. Chủ tịch công ty chịu trách nhiệm trước cơ quan đại diện chủ sở hữu trong quản lý, sử dụng, bảo toàn, phát triển vốn; báo cáo kịp thời cơ quan đại diện chủ sở hữu khi doanh nghiệp hoạt động thua lỗ, không bảo đảm khả năng thanh toán, không hoàn thành nhiệm vụ được giao và những trường hợp sai phạm khác.

6. Chủ tịch công ty chịu trách nhiệm trước pháp luật về vi phạm gây tổn thất vốn, tài sản của doanh nghiệp.

7. Chủ tịch công ty thực hiện quyền, trách nhiệm khác theo quy định của Luật doanh nghiệp, điều lệ doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan.

8. Chủ động quyết định và chịu trách nhiệm về việc quyết định những nội dung thuộc thẩm quyền của Chủ tịch công ty của doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ theo quy định tại Luật quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp, Luật doanh nghiệp, quy định của pháp luật có liên quan và Điều lệ của doanh nghiệp.

Điều 21. Giám đốc công ty

1. Giám đốc công ty do Chủ tịch công ty bổ nhiệm hoặc thuê theo phương án nhân sự đã được cơ quan đại diện chủ sở hữu chấp thuận, thời hạn giữ chức vụ là 05 năm.

Tiêu chuẩn, điều kiện và các trường hợp bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Giám đốc công ty được thực hiện theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và pháp luật về Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ, quy định về quản lý người giữ chức danh, chức vụ tại doanh nghiệp là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên mà Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

2. Giám đốc có nhiệm vụ điều hành các hoạt động hằng ngày của công ty và có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Tổ chức thực hiện và đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch, phương án kinh doanh, kế hoạch đầu tư của công ty;

b) Tổ chức thực hiện và đánh giá kết quả thực hiện các nghị quyết của Chủ tịch công ty và của cơ quan đại diện chủ sở hữu công ty;

c) Quyết định các công việc hằng ngày của công ty;

d) Ký hợp đồng, thỏa thuận nhân danh công ty, trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của Chủ tịch công ty;

đ) Bổ nhiệm, thuê, miễn nhiệm, cách chức, chấm dứt hợp đồng đối với các chức danh quản lý trong công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Chủ tịch công ty;

e) Tuyển dụng lao động;

g) Lập và trình Chủ tịch công ty báo cáo định kỳ hằng quý, hằng năm về kết quả thực hiện mục tiêu kế hoạch kinh doanh và báo cáo tài chính hằng năm;

h) Kiến nghị phương án tổ chức lại công ty, khi xét thấy cần thiết;

i) Kiến nghị phân bổ và sử dụng lợi nhuận sau thuế và các nghĩa vụ tài chính khác của công ty;

k) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 22. Ban kiểm soát

1. Căn cứ quy mô của công ty, cơ quan đại diện chủ sở hữu quyết định bổ nhiệm 01 Kiểm soát viên hoặc thành lập Ban kiểm soát gồm 03 Kiểm soát viên. Nhiệm kỳ Kiểm soát viên là 03 năm và được bổ nhiệm lại nhưng mỗi cá nhân chỉ được bổ nhiệm làm Kiểm soát viên của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ.

2. Ban kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Giám sát việc tổ chức thực hiện chiến lược phát triển, kế hoạch kinh doanh, thực hiện các mục tiêu chiến lược và mục tiêu kế hoạch của công ty;

b) Giám sát và đánh giá việc thực hiện các quyền, nghĩa vụ của Chủ tịch công ty, Giám đốc công ty;

c) Giám sát và đánh giá hiệu lực và mức độ tuân thủ quy chế kiểm toán nội bộ, quy chế quản lý và phòng ngừa rủi ro, quy chế báo cáo và các quy chế quản trị nội bộ khác của công ty;

d) Giám sát tính hợp pháp, tính hệ thống và trung thực trong công tác kế toán, sổ kế toán, trong nội dung báo cáo tài chính, các phụ lục và tài liệu liên quan;

đ) Giám sát các giao dịch của công ty với các bên có liên quan;

e) Giám sát thực hiện các dự án đầu tư lớn, giao dịch mua, bán và giao dịch kinh doanh khác có quy mô lớn hoặc giao dịch kinh doanh bất thường của công ty;

g) Lập và gửi báo cáo đánh giá, kiến nghị về các nội dung quy định tại các điểm a, b, c, d, đ và e khoản này cho cơ quan đại diện chủ sở hữu và Chủ tịch công ty;

h) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo yêu cầu của cơ quan đại diện chủ sở hữu.

3. Tiền lương, thưởng của Kiểm soát viên do cơ quan đại diện chủ sở hữu quyết định và chi trả theo quy định của pháp luật.

Điều 23. Tiêu chuẩn và điều kiện đối với Kiểm soát viên

1. Được đào tạo một trong các chuyên ngành về tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh và có ít nhất 03 năm kinh nghiệm làm việc; Trưởng Ban kiểm soát phải có ít nhất 05 năm kinh nghiệm làm việc liên quan đến chuyên ngành tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh được đào tạo.

2. Không phải là người lao động của công ty.

3. Không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của đối tượng sau đây:

a) Người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan đại diện chủ sở hữu của công ty;

b) Chủ tịch công ty;

- c) Giám đốc, Phó Giám đốc và Kế toán trưởng của công ty;
- d) Kiểm soát viên khác của công ty.
- 4. Không được kiêm Giám đốc hoặc Tổng giám đốc của doanh nghiệp khác.
- 5. Không được đồng thời là Kiểm soát viên, thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng quản trị của doanh nghiệp không phải là doanh nghiệp nhà nước.
- 6. Các tiêu chuẩn và điều kiện khác quy định của pháp luật.

Điều 24. Quyền của Ban kiểm soát và Kiểm soát viên

- 1. Tham gia các cuộc họp, các cuộc tham vấn và trao đổi chính thức và không chính thức của cơ quan đại diện chủ sở hữu với Chủ tịch công ty; có quyền chất vấn Chủ tịch công ty và Giám đốc công ty về các kế hoạch, dự án hay chương trình đầu tư phát triển và các quyết định khác trong quản lý điều hành công ty.
- 2. Xem xét sổ sách kế toán, báo cáo, hợp đồng, giao dịch và tài liệu khác của công ty; kiểm tra công việc quản lý điều hành của Chủ tịch, Giám đốc công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo yêu cầu của cơ quan đại diện chủ sở hữu.
- 3. Xem xét, đánh giá thực trạng hoạt động kinh doanh, thực trạng tài chính của công ty, thực trạng vận hành và hiệu lực các quy chế quản trị nội bộ công ty.
- 4. Yêu cầu Chủ tịch công ty, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và những người quản lý khác báo cáo, cung cấp thông tin về bất cứ việc gì trong phạm vi quản lý và hoạt động đầu tư, kinh doanh của công ty.
- 5. Yêu cầu những người quản lý công ty báo cáo về thực trạng tài chính, thực trạng và kết quả kinh doanh của công ty con khi xét thấy cần thiết để thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.
- 6. Trường hợp phát hiện Chủ tịch công ty, Giám đốc và những người quản lý khác làm trái các quy định về quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của họ hoặc có nguy cơ làm trái các quy định đó; hoặc phát hiện hành vi vi phạm pháp luật, làm trái các quy định về quản lý kinh tế, trái quy định Điều lệ công ty hoặc các quy chế quản trị nội bộ công ty phải báo cáo ngay cho cơ quan đại diện chủ sở hữu công ty, các thành viên khác của Ban kiểm soát và cá nhân có liên quan.
- 7. Đề nghị cơ quan đại diện chủ sở hữu thành lập đơn vị thực hiện nhiệm vụ kiểm toán tham mưu và trực tiếp hỗ trợ Ban kiểm soát thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao.
- 8. Thực hiện các quyền khác quy định của pháp luật.

Điều 25. Chế độ làm việc của Ban kiểm soát và Kiểm soát viên

- 1. Trưởng Ban kiểm soát làm việc chuyên trách tại công ty; các thành viên khác có thể tham gia Ban kiểm soát của không quá 04 doanh nghiệp nhà nước nhưng phải được sự đồng ý bằng văn bản của cơ quan đại diện chủ sở hữu.
- 2. Trưởng Ban kiểm soát xây dựng kế hoạch công tác hằng tháng, hằng quý và hằng năm của Ban kiểm soát; phân công nhiệm vụ và công việc cụ thể cho từng thành viên.

3. Kiểm soát viên độc lập và chủ động thực hiện các nhiệm vụ và công việc được phân công; đề xuất, kiến nghị thực hiện các nhiệm vụ, công việc kiểm soát khác ngoài kế hoạch, ngoài phạm vi được phân công khi xét thấy cần thiết.

4. Ban kiểm soát họp ít nhất mỗi tháng một lần để rà soát, đánh giá, thông qua báo cáo kết quả kiểm soát trong tháng trình cơ quan đại diện chủ sở hữu; thảo luận và thông qua kế hoạch hoạt động tiếp theo của Ban kiểm soát.

5. Quyết định của Ban kiểm soát được thông qua khi có đa số thành viên dự họp tán thành. Các ý kiến khác với nội dung quyết định đã được thông qua phải được ghi chép đầy đủ, chính xác và báo cáo cơ quan đại diện chủ sở hữu.

Điều 26. Trách nhiệm của Kiểm soát viên

1. Tuân thủ pháp luật, Điều lệ công ty, quyết định của cơ quan đại diện chủ sở hữu và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện các quyền và nghĩa vụ quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

2. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất để bảo vệ lợi ích của Nhà nước và lợi ích hợp pháp của các bên tại công ty.

3. Trung thành với lợi ích của Nhà nước và công ty; không được sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, lạm dụng địa vị, chức vụ, tài sản của công ty để tư lợi hoặc phục vụ cho lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

4. Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

5. Trường hợp vi phạm nghĩa vụ quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này mà gây thiệt hại cho công ty thì Kiểm soát viên phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó; tùy theo tính chất, mức độ vi phạm và thiệt hại còn có thể bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định pháp luật.

6. Mọi thu nhập và lợi ích khác mà Kiểm soát viên trực tiếp hoặc gián tiếp có được do vi phạm nghĩa vụ quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này đều phải trả lại công ty.

7. Trường hợp phát hiện có Kiểm soát viên vi phạm nghĩa vụ trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì thành viên khác của Ban kiểm soát có nghĩa vụ báo cáo bằng văn bản đến cơ quan đại diện chủ sở hữu; yêu cầu chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

Điều 27. Miễn nhiệm, cách chức Kiểm soát viên

Kiểm soát viên bị miễn nhiệm, cách chức trong các trường hợp theo quy định tại Luật doanh nghiệp và pháp luật về Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

Điều 28. Các chức danh, chức vụ khác và bộ máy quản lý điều hành tại doanh nghiệp.

1. Các nội dung về chức danh, chức vụ khác tại doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp và quy định về quản lý người giữ chức danh, chức vụ tại

doanh nghiệp là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên mà Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

2. Bộ máy quản lý điều hành gồm văn phòng, các phòng, ban chuyên môn, nghiệp vụ có chức năng tham mưu, kiểm tra, giúp việc Chủ tịch Công ty, Giám đốc công ty quản lý, điều hành công ty. Cơ cấu tổ chức và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của bộ máy quản lý điều hành do Chủ tịch công ty quyết định.

Điều 29. Mối quan hệ giữa Chủ tịch với Giám đốc Công ty và bộ máy quản lý điều hành.

1. Khi tổ chức thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của Chủ tịch Công ty nếu phát hiện vấn đề không có lợi cho Công ty thì Giám đốc công ty báo cáo với Chủ tịch công ty để xem xét điều chỉnh lại Nghị quyết, Quyết định. Trường hợp Chủ tịch công ty không điều chỉnh lại Nghị quyết, Quyết định thì Giám đốc công ty có thể báo cáo Chủ sở hữu công ty, nhưng vẫn phải thực hiện Nghị quyết, Quyết định của Chủ tịch công ty.

2. Giám đốc công ty lập và gửi báo cáo bằng văn bản về tình hình hoạt động kinh doanh hàng tháng, quý, năm và phương hướng thực hiện trong kỳ tới của Công ty cho Chủ tịch công ty; có trách nhiệm báo cáo đột xuất về các vấn đề quản trị, tổ chức quản lý và điều hành của Công ty theo yêu cầu của Chủ tịch công ty.

3. Giám đốc phải mời Chủ tịch công ty tham dự các cuộc họp giao ban, các cuộc họp chuẩn bị các báo cáo, đề án trình Chủ tịch công ty hoặc trình Chủ sở hữu công ty do Giám đốc chủ trì để phối hợp chuẩn bị nội dung có liên quan. Chủ tịch công ty hoặc người được ủy quyền tham dự có quyền phát biểu ý kiến nhưng không kết luận cuộc họp.

Điều 30. Hợp đồng, giao dịch với những người có liên quan.

Người có liên quan là tổ chức, cá nhân có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp với doanh nghiệp theo quy định tại Điều 4, Luật Doanh nghiệp.

1. Chủ tịch, Giám đốc Công ty không được để người có liên quan của mình giữ chức danh kế toán trưởng, thủ quỹ của Công ty.

2. Chủ tịch, Giám đốc Công ty phải báo cáo Chủ sở hữu công ty về các hợp đồng kinh tế, dân sự của Công ty ký kết với người có liên quan của mình. Trường hợp phát hiện hợp đồng có mục đích tư lợi mà hợp đồng chưa được ký kết thì không được ký kết hợp đồng đó. Nếu hợp đồng đã được ký kết thì bị coi là vô hiệu lực và phải bồi thường thiệt hại cho Công ty và bị xử lý theo quy định của pháp luật.

3. Các trường hợp khác thực hiện theo quy định về Hợp đồng, giao dịch giữa công ty với những người có liên quan tại Luật doanh nghiệp.

Chương V

QUẢN LÝ TÀI CHÍNH CÔNG TY

Điều 31. Vốn điều lệ.

1. Vốn điều lệ quy định tại Điều 6 của Điều lệ.
2. Vốn điều lệ có thể tăng trong quá trình hoạt động, Chủ sở hữu Công ty phê duyệt tăng vốn điều lệ cho Công ty căn cứ vào mục tiêu, nhiệm vụ, chiến lược phát triển và mở rộng quy mô, hoạt động sản xuất kinh doanh, đặc thù hoạt động của Công ty. Mức vốn điều lệ điều chỉnh tăng thêm được xác định tối thiểu cho 03 năm kể từ năm quyết định điều chỉnh vốn điều lệ.

Hồ sơ, thủ tục và phương pháp xác định vốn điều lệ, quyền, trách nhiệm và nguồn bổ sung vốn điều lệ theo quy định tại Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Điều 32. Quản lý tài chính Công ty.

Quản lý tài chính của Công ty thực hiện theo Quy chế quản lý tài chính ban hành phù hợp với Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn thi hành, bao gồm những nội dung chủ yếu sau đây:

1. Quản lý và sử dụng vốn, tài sản của Công ty, trong đó có hoạt động đầu tư vốn ra ngoài Công ty; quyền, trách nhiệm của Công ty khi đầu tư vốn vào doanh nghiệp khác; cơ chế quản lý, quyền, trách nhiệm, thù lao, tiền lương, thưởng, quyền lợi và tiêu chuẩn Người đại diện của công ty tại doanh nghiệp khác.
2. Quản lý doanh thu, chi phí và kết quả hoạt động kinh doanh, trong đó có quy định về phân phối thu nhập, sử dụng các quỹ, nguyên tắc phân chia lợi nhuận sau thuế và xử lý lỗ trong kinh doanh.
3. Kế hoạch tài chính, chế độ kế toán, thống kê và kiểm toán.
4. Những nội dung khác có liên quan.

Chương VI

TỔ CHỨC LẠI, CHUYỂN ĐỔI, GIẢI THỂ, PHÁ SẢN CÔNG TY

Điều 33. Tổ chức lại, chuyển đổi, giải thể, phá sản công ty

Các hình thức, điều kiện, thẩm quyền quyết định, hồ sơ, trình tự, thủ tục tổ chức lại, chuyển đổi, giải thể, phá sản công ty thực hiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp và quy định pháp luật có liên quan đối với Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

Chương VII

CHẾ ĐỘ BÁO CÁO, CÔNG KHAI THÔNG TIN

Điều 34. Trách nhiệm báo cáo và thông tin

1. Giám đốc có trách nhiệm gửi Chủ tịch công ty những tài liệu sau đây theo định kỳ:

- a) Báo cáo về tình hình kinh doanh của công ty;
- b) Báo cáo tài chính;
- c) Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành công ty và các báo cáo khác theo quy định.

d) Báo cáo Công bố thông tin theo quy định của Nghị định số 81/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ quy định về công bố thông tin doanh nghiệp Nhà nước.

2. Chủ tịch công ty có quyền yêu cầu Giám đốc, các cán bộ quản lý của Công ty cung cấp mọi hồ sơ, tài liệu liên quan đến tổ chức thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Chủ tịch công ty.

3. Giám đốc là người chịu trách nhiệm tổ chức việc lưu giữ và bảo mật hồ sơ, tài liệu của công ty.

Điều 35. Báo cáo và thông tin cho Chủ sở hữu

1. Chủ tịch công ty lập và gửi Chủ sở hữu công ty những tài liệu sau đây:

- a) Báo cáo về tình hình kinh doanh và tài chính của Công ty;
- b) Báo cáo về tình hình thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Chủ tịch công ty về kết quả thực hiện các nhiệm vụ được ủy quyền hoặc ghi tại quyết định bổ nhiệm (nếu có);

c) Các tài liệu khác theo quy định của Điều lệ này và của pháp luật về chế độ thông tin, báo cáo của công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

2. Kiểm soát viên trình Chủ sở hữu công ty:

a) Báo cáo kết quả kiểm tra tính hợp pháp, trung thực, cân trọng của Chủ tịch công ty, Giám đốc trong tổ chức thực hiện quyền chủ sở hữu, trong quản lý điều hành công việc kinh doanh của Công ty;

b) Báo cáo kết quả thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo tình hình kinh doanh;

c) Báo cáo đánh giá công tác quản lý và các tài liệu khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật về chế độ báo cáo, thông tin của công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu.

3. Các báo cáo định kỳ được lập và trình hàng quý. Báo cáo đột xuất được lập và gửi theo yêu cầu của Chủ sở hữu công ty trong từng trường hợp.

Điều 36. Công bố thông tin định kỳ

1. Công ty phải công bố định kỳ trên trang thông tin điện tử của công ty và của cơ quan đại diện chủ sở hữu những thông tin sau đây:

- a) Thông tin cơ bản về công ty và điều lệ công ty;
- b) Mục tiêu tổng quát, mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể của kế hoạch kinh doanh hằng năm;
- c) Báo cáo và tóm tắt Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán độc lập trong thời hạn không quá 150 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính;
- d) Báo cáo và tóm tắt Báo cáo tài chính giữa năm đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán độc lập; thời hạn công bố phải trước ngày 31 tháng 07 hằng năm;
- đ) Báo cáo đánh giá về kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh hằng năm và 03 năm gần nhất tính đến năm báo cáo;
- e) Báo cáo kết quả thực hiện các nhiệm vụ công ích được giao theo kế hoạch hoặc đấu thầu (nếu có) và trách nhiệm xã hội khác;
- g) Báo cáo về thực trạng quản trị, cơ cấu tổ chức công ty.

2. Báo cáo thực trạng quản trị công ty bao gồm các thông tin sau đây:

- a) Thông tin về cơ quan đại diện chủ sở hữu, người đứng đầu và cấp phó của người đứng đầu cơ quan đại diện chủ sở hữu;
- b) Thông tin về người quản lý công ty, bao gồm trình độ chuyên môn, kinh nghiệm nghề nghiệp, các vị trí quản lý đã nắm giữ, cách thức được bổ nhiệm, công việc quản lý được giao, mức tiền lương, thưởng, cách thức trả tiền lương và các lợi ích khác; những người có liên quan và ích lợi có liên quan của họ với công ty; bản tự kiểm điểm, đánh giá hằng năm của họ trên cương vị là người quản lý công ty;
- c) Các quyết định có liên quan của cơ quan đại diện chủ sở hữu; các quyết định, nghị quyết của Chủ tịch công ty;
- d) Thông tin về Ban kiểm soát, Kiểm soát viên và hoạt động của họ;
- đ) Thông tin về Đại hội công nhân, viên chức; số lượng lao động bình quân năm và tại thời điểm báo cáo, tiền lương và lợi ích khác bình quân năm trên người lao động;
- e) Báo cáo kết luận của cơ quan thanh tra (nếu có) và các báo cáo của Ban kiểm soát, Kiểm soát viên;
- g) Thông tin về các bên có liên quan của công ty, giao dịch của công ty với bên có liên quan;
- h) Các thông tin khác theo quy định của pháp luật.

3. Thông tin được báo cáo và công bố phải đầy đủ, chính xác và kịp thời theo quy định của pháp luật.

4. Người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền công bố thông tin thực hiện công bố thông tin. Người đại diện theo pháp luật phải chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, kịp thời, trung thực và chính xác của thông tin được công bố.

Điều 37. Công bố thông tin bất thường

1. Công ty phải công bố trên trang thông tin điện tử và ấn phẩm (nếu có) và niêm yết công khai tại trụ sở chính và địa điểm kinh doanh của công ty về các thông tin bất thường trong thời hạn 36 giờ, kể từ khi xảy ra một trong các sự kiện sau đây:

a) Tài khoản của công ty tại ngân hàng bị phong tỏa hoặc được phép hoạt động trở lại sau khi bị phong tỏa;

b) Tạm ngừng một phần hoặc toàn bộ hoạt động kinh doanh; bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy phép thành lập hoặc giấy phép thành lập và hoạt động hoặc giấy phép hoạt động hoặc giấy phép khác liên quan đến kinh doanh của công ty;

c) Sửa đổi, bổ sung nội dung Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy phép thành lập và hoạt động, giấy phép hoạt động hoặc bất kỳ giấy phép, giấy chứng nhận khác có liên quan đến hoạt động của doanh nghiệp;

d) Thay đổi người quản lý công ty, gồm thành viên Chủ tịch công ty, Giám đốc, Phó Giám đốc, Trưởng Ban kiểm soát hoặc Kiểm soát viên, Kế toán trưởng, trưởng phòng tài chính kế toán;

đ) Có quyết định kỷ luật, khởi tố, có bản án, quyết định của Tòa án đối với một trong số các người quản lý doanh nghiệp;

e) Có kết luận của cơ quan thanh tra hoặc của cơ quan quản lý thuế về việc vi phạm pháp luật của doanh nghiệp;

g) Có quyết định thay đổi tổ chức kiểm toán độc lập, hoặc bị từ chối kiểm toán báo cáo tài chính;

h) Có quyết định, thành lập, giải thể, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi công ty con; quyết định đầu tư, giảm vốn hoặc thoái vốn đầu tư tại các công ty khác.

Chương VIII

SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ CÔNG TY

Điều 38. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty

Chủ sở hữu Công ty quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty.

Chương IX

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 39. Hiệu lực thi hành

Điều lệ này có hiệu lực thi hành kể từ ngày được Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Ninh quyết định phê duyệt.

Điều 40. Phạm vi thi hành

1. Cơ quan đại diện chủ sở hữu, Công ty, các đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm tuân thủ các quy định tại Điều lệ này.

2. Các Quy chế nội bộ của Công ty phải tuân thủ nguyên tắc, nội dung của Điều lệ.

3. Các đơn vị trực thuộc căn cứ vào các quy định của pháp luật tương ứng với hình thức pháp lý của mình và Điều lệ của Công ty để xây dựng Quy chế tổ chức và hoạt động của mình trình người có thẩm quyền phê duyệt.

4. Trong trường hợp có những quy định pháp luật liên quan đến hoạt động của Công ty, nhưng chưa được quy định tại Điều lệ hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ, thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng để điều chỉnh hoạt động của Công ty. *J. Thọ*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Hữu Thành